

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên bậc đại học, hệ chính quy
học kỳ I, năm học 2023 - 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng; Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 1043/QĐ-ĐHSP ngày 20/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – ĐHN về việc ban hành Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập, học bổng ngoài ngân sách cho sinh viên bậc đại học, hệ chính quy;

Căn cứ danh sách đề nghị của Ban Chủ nhiệm các Khoa về việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên học kỳ I, năm học 2023- 2024 thuộc khóa tuyển sinh 2020;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ I năm học 2023 - 2024 của sinh viên đại học hệ chính quy;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2023 - 2024 cho sinh viên bậc đại học, hệ chính quy (danh sách kèm theo).

Điều 2. Định mức kinh phí học bổng khuyến khích học tập được cấp theo quy định.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH (để biết);
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Võ Văn Minh

(Kèm theo Quyết định số 518/QĐ-ĐHSP, ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Khối ngành	Ngành	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Mức nhận học bổng	Số tiền
						Thang điểm 10	Thang điểm 4					
1	I	Sư phạm Toán học	3110120011	Phạm Thị Phương Dung	20ST4	9.16	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
2	I	Sư phạm Toán học	3110120038	Châu Vĩnh Khánh	20ST1	9.58	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
3	I	Sư phạm Toán học	3110120209	Phan Thị Ngân	20ST2	9.30	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
4	I	Sư phạm Toán học	3110120275	Nguyễn Hữu Tiến	20ST3	9.18	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
5	I	Sư phạm Toán học	3110121026	Nguyễn Minh Thiện	21ST1	9.39	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
6	I	Sư phạm Toán học	3110121141	Hoàng Thị Thanh Trúc	21ST1	9.23	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
7	I	Sư phạm Toán học	3110121142	Nguyễn Xuân Trúc	21ST2	9.51	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
8	I	Sư phạm Toán học	3110122025	Lê Viết Hoàng	22ST1	9.35	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
9	I	Sư phạm Toán học	3110122066	Nguyễn Thị Hồng Phúc	22ST2	9.64	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
10	I	Sư phạm Toán học	3110122067	Nguyễn Thị Minh Phương	22ST1	9.29	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
11	I	Sư phạm Toán học	3110123019	Võ Thị Thanh Giang	23ST1	9.05	3.88	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
12	I	Sư phạm Toán học	3110123068	Lê Thành Nhân	23ST1	8.83	3.88	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
13	I	Sư phạm Toán học	3110123082	Trần Mạnh Tân	23ST1	8.94	3.81	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
14	I	Sư phạm Tin học	3120121002	Võ Thị Phương Loan	21SPT	9.21	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
15	I	Sư phạm Tin học	3120122025	Trần Thiện Tâm	22SPT	8.05	3.47	Giỏi	91.00	Xuất sắc	Giỏi	6,750,000
16	I	Sư phạm Tin học	3120123035	Phan Văn Thịnh	23SPT	8.59	3.81	Xuất sắc	84.00	Tốt	Giỏi	6,750,000
17	V	Công nghệ thông tin	3120220034	Trần Thị Thanh Phương	20CNTT1	8.66	3.75	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
18	V	Công nghệ thông tin	3120220098	Đặng Thị Bích Lài	20CNTT1	8.96	3.75	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
19	V	Công nghệ thông tin	3120220146	Huỳnh Quốc Toàn	20CNTT1	8.70	3.75	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
20	V	Công nghệ thông tin	3120221074	Võ Văn Anh Pha	21CNTT2	8.26	3.61	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000

STT	Khối ngành	Ngành	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Mức nhận học bổng	Số tiền
						Thang điểm 10	Thang điểm 4					
21	V	Công nghệ thông tin	3120221121	Huỳnh Quốc Việt	21CNTT1	8.79	3.88	Xuất sắc	84.00	Tốt	Giỏi	7,750,000
22	V	Công nghệ thông tin	3120221265	Thương Vĩnh Quý	21CNTT1	9.01	3.95	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
23	V	Công nghệ thông tin	3120221345	Nguyễn Đa Đa	21CNTT2	8.79	3.86	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
24	V	Công nghệ thông tin	3120221368	Nguyễn Thị Châu Hậu	21CNTT2	8.84	3.89	Xuất sắc	86.00	Tốt	Giỏi	7,750,000
25	V	Công nghệ thông tin	3120221371	Nguyễn Phúc Hiệp	21CNTT2	8.62	3.75	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
26	V	Công nghệ thông tin	3120221410	Đỗ Ngọc Quang Luân	21CNTT4	8.58	3.66	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
27	V	Công nghệ thông tin	3120222135	Nguyễn Hữu Tín	22CNTT2	8.31	3.60	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
28	V	Công nghệ thông tin	3120222141	Trần Mạnh Trí	22CNTT1	8.74	3.80	Xuất sắc	84.00	Tốt	Giỏi	7,750,000
29	V	Công nghệ thông tin	3120223004	Phan Nguyễn Bích An	23CNTT3	8.58	3.67	Xuất sắc	85.00	Tốt	Giỏi	7,750,000
30	V	Công nghệ thông tin	3120223096	Tạ Hồ Thanh Khương	23CNTT3	8.82	3.70	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
31	V	Công nghệ thông tin	3120223135	Nguyễn Thị Thanh Nhân	23CNTT2	8.60	3.60	Xuất sắc	81.00	Tốt	Giỏi	7,750,000
32	V	Công nghệ thông tin	3120223146	Nguyễn Thị Kim Nhung	23CNTT2	8.73	3.80	Xuất sắc	85.00	Tốt	Giỏi	7,750,000
33	V	Công nghệ thông tin	3120223195	Lê Thị Thùy Tiên	23CNTT3	8.78	3.87	Xuất sắc	82.00	Tốt	Giỏi	7,750,000
34	V	Công nghệ thông tin	3120223229	Nguyễn Quan Tuấn	23CNTT2	8.68	3.80	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
35	V	Công nghệ thông tin (CLC)	3120422004	Hoàng Kim Hùng	22CNTTC	8.54	3.67	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
36	V	Công nghệ thông tin (CLC)	3120422006	Mai Thị Thanh Huyền	22CNTTC	8.58	3.83	Xuất sắc	89.00	Tốt	Giỏi	7,750,000
37	I	Sư phạm Vật lý	3130120051	Nguyễn Thị Ly Ly	20SVL	9.30	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
38	I	Sư phạm Vật lý	3130121065	Văn Viết Viên	21SVL2	9.20	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
39	I	Sư phạm Vật lý	3130121106	Lê Thị Như	21SVL1	9.26	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
40	I	Sư phạm Vật lý	3130122054	Ngô Thanh Trúc	22SVL	9.45	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
41	I	Sư phạm Vật lý	3130123024	Võ Ngọc Mai Thy	23SVL	9.11	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
42	IV	Vật lý kỹ thuật	3130322007	Nguyễn Tuấn Thiện	22CVK	8.67	3.73	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000
43	IV	Vật lý kỹ thuật	3130323004	Bùi Quang Hải	23CVK	7.13	2.88	Khá	87.00	Tốt	Khá	6,750,000
44	I	Sư phạm Hóa học	3140120037	Trần Thị Ngọc Dung	20SHH2	9.29	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
45	I	Sư phạm Hóa học	3140120161	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	20SHH1	9.19	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
46	I	Sư phạm Hóa học	3140121035	Doãn Thị Hà Ngọc	21SHH	8.89	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
47	I	Sư phạm Hóa học	3140122001	Nguyễn Hữu An	22SHH	9.41	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000

STT	Khối ngành	Ngành	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Mức nhận học bổng	Số tiền
						Thang điểm 10	Thang điểm 4					
48	I	Sư phạm Hóa học	3140123017	Lê Ngọc Tâm	23SHH	8.82	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
49	IV	Hóa dược	3140320027	Nguyễn Lê Hán	20CHD	9.22	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000
50	IV	Hóa dược	3140321065	Sử Trần Diệu An	21CHD	9.46	4.00	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000
51	IV	Hóa dược	3140322024	Phạm Thị Thảo Nguyên	22CHD	8.47	3.67	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000
52	IV	Hóa dược	3140323021	Nguyễn Bảo Ngân	23CHD	8.15	3.50	Giỏi	90.00	Xuất sắc	Giỏi	7,250,000
53	I	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140720014	Ngô Kiều Oanh	20SKT	8.78	3.80	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
54	I	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140721003	Nguyễn Thị Thùy Dương	21SKT2	8.77	3.92	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
55	I	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140721158	Trần Quốc Ngọc Trai	21SKT1	9.02	3.95	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
56	I	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140721173	Lê Ngô Thị Tuyết Vinh	21SKT1	8.92	3.92	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
57	I	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140722035	Lương Thị Kim Huyền	22SKT1	8.90	3.94	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
58	I	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140722073	Trần Thị Quỳnh Như	22SKT1	9.26	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
59	I	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140722104	Nguyễn Hồ Anh Tiên	22SKT2	9.20	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
60	I	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140723013	Mạc Thị Hương Giang	23SKT1	8.67	3.84	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
61	I	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140723032	Nguyễn Chí Khoa	23SKT2	8.82	3.74	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
62	I	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140723078	Trần Kim Quy	23SKT2	8.55	3.74	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
63	I	Sư phạm Sinh học	3150120004	Bùi Đức Anh	20SS	8.69	3.72	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
64	I	Sư phạm Sinh học	3150121043	Lê Mai Diễm Quỳnh	21SS	8.69	3.94	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
65	I	Sư phạm Sinh học	3150122006	Phạm Thị Diễm	22SS	9.17	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
66	I	Sư phạm Sinh học	3150123026	Trần Thị Hồng Nhung	23SS	8.39	3.53	Giỏi	95.00	Xuất sắc	Giỏi	6,750,000
67	VII	QL Tài nguyên và Môi trường	3150320015	Phan Hoàng Tú Nguyên	20CTM	8.58	3.50	Giỏi	97.00	Xuất sắc	Giỏi	6,500,000
68	VII	QL Tài nguyên và Môi trường	3150321047	Huỳnh Thị Thu Hà	21CTM	9.19	3.93	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
69	VII	QL Tài nguyên và Môi trường	3150322011	Nguyễn Thị Kim Phương	22CTM	8.41	3.67	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
70	VII	QL Tài nguyên và Môi trường	3150323003	Lê Nguyễn Hồng Hoa	23CTM	7.93	3.28	Giỏi	94.00	Xuất sắc	Giỏi	6,500,000
71	IV	Công nghệ sinh học	3150420032	Bùi Thị Phương Liên	20CNSH	9.30	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000
72	IV	Công nghệ sinh học	3150421058	Hà Ngọc Trâm	21CNSH	8.45	3.80	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000
73	IV	Công nghệ sinh học	3150422030	Hoàng Thị Thu Tiên	22CNSH	8.69	3.76	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000
74	IV	Công nghệ sinh học	3150423031	Nguyễn Hồ Anh Thư	23CNSH	8.44	3.50	Giỏi	88.00	Tốt	Giỏi	7,250,000

STT	Khối ngành	Ngành	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Mức nhận học bổng	Số tiền
						Thang điểm 10	Thang điểm 4					
75	I	Giáo dục Chính trị	3160120066	Alăng Thị Thảo	20SGC	8.66	3.69	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
76	I	Giáo dục Chính trị	3160121041	Hồ Thị Hoàng Phi	21SGC	9.08	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
77	I	Giáo dục Chính trị	3160122014	Trần Hoàng Diễm My	22SGC	8.45	3.65	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
78	I	Giáo dục Chính trị	3160123008	Kpá H Dok	23SGC	8.86	3.87	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
79	I	Sư phạm Âm nhạc	3160420003	Đông Không Phương Linh	20SAN	9.18	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
80	I	Sư phạm Âm nhạc	3160421017	Nguyễn Thị Thanh Ngân	21SAN	9.28	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
81	I	Sư phạm Âm nhạc	3160422001	Mai Huỳnh Gia Ân	22SAN	8.38	3.63	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
82	I	Sư phạm Âm nhạc	3160422003	Phạm Thị Minh Anh	22SAN	8.56	3.60	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
83	I	Giáo dục Công dân	3160520081	Hồ Văn Triệu	20SCD	8.60	3.76	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
84	I	Giáo dục Công dân	3160521122	Kiều Thị Ánh Tuyết	21SCD	9.37	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
85	I	Giáo dục Công dân	3160522005	Mai Thị Ngọc Bích	22SCD	8.69	3.89	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
86	I	Giáo dục Công dân	3160523026	Trần Thị Yên Nhi	23SCD	9.11	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
87	I	Giáo dục Thể chất	3160621014	Trần Thị Hà	21SGT	8.74	3.92	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
88	I	Giáo dục Thể chất	3160622029	Hoàng Trọng Lộc	22SGT	8.77	3.82	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
89	I	Sư phạm Ngữ văn	3170120013	Nguyễn Quang Khải	20SNV4	9.58	4.00	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
90	I	Sư phạm Ngữ văn	3170120041	Đỗ Nguyễn Hoài Thuận	20SNV2	9.46	4.00	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
91	I	Sư phạm Ngữ văn	3170120172	Trương Thủy Liên	20SNV1	9.47	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
92	I	Sư phạm Ngữ văn	3170120331	Lê Bích Vân	20SNV3	9.45	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
93	I	Sư phạm Ngữ văn	3170121017	Trần Đặng Bích Huệ	21SNV1	9.30	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
94	I	Sư phạm Ngữ văn	3170121047	Nguyễn Văn Minh Trí	21SNV2	9.13	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
95	I	Sư phạm Ngữ văn	3170121111	Võ Hoàng Kín	21SNV1	9.24	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
96	I	Sư phạm Ngữ văn	3170121213	Trần Thị Thu Trang	21SNV2	9.42	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
97	I	Sư phạm Ngữ văn	3170122001	Lương Thị Lan Anh	22SNV2	9.05	3.92	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
98	I	Sư phạm Ngữ văn	3170122116	Nguyễn Thị Thanh Vân	22SNV1	9.01	3.91	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
99	I	Sư phạm Ngữ văn	3170123074	Phan Thị Hồng Ngọc	23SNV2	8.78	3.94	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
100	I	Sư phạm Ngữ văn	3170123088	Nguyễn Thị Nhung	23SNV2	8.81	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
101	I	Sư phạm Ngữ văn	3170123094	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	23SNV2	8.98	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000

STT	Khối ngành	Ngành	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Mức nhận học bổng	Số tiền
						Thang điểm 10	Thang điểm 4					
102	VII	Văn học	3170220067	Hoàng Thị Lan Trinh	20CVH	9.00	3.85	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
103	VII	Văn học	3170221099	Nguyễn Châu Thùy Trinh	21CVH	8.94	3.83	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
104	VII	Văn học	3170222020	Phạm Hoàng Thanh Duyên	22CVH	8.13	3.43	Giỏi	83.00	Tốt	Giỏi	6,500,000
105	VII	Văn học	3170222022	Trần Lương Thư Giang	22CVH	8.08	3.40	Giỏi	98.00	Xuất sắc	Giỏi	6,500,000
106	VII	Văn học	3170223036	Phạm Thị Thúy Ngân	23CVH	9.11	3.91	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
107	VII	Văn học	3170223053	Nguyễn Thị Thanh Thảo	23CVH	8.84	3.91	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
108	VII	Văn hóa học	3170320004	Nguyễn Nữ Nhi	20CVHH	8.92	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
109	VII	Văn hóa học	3170321001	Huỳnh Thị Phương Chi	21CVHH	9.09	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
110	VII	Văn hóa học	3170322041	Lê Thị Quỳnh Quỳnh	22CVHH	7.72	3.25	Giỏi	88.00	Tốt	Giỏi	6,500,000
111	VII	Văn hóa học	3170323017	Phùng Thị Thanh Huyền	23CVHH	8.24	3.59	Giỏi	83.00	Tốt	Giỏi	6,500,000
112	VII	Văn hóa học	3170323056	Cao Thị Anh Thư	23CVHH	8.22	3.53	Giỏi	85.00	Tốt	Giỏi	6,500,000
113	VII	Báo chí	3170420025	Phạm Thị Phương Linh	20CBC2	9.25	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
114	VII	Báo chí	3170420046	Hoàng Nguyễn Tuệ Nhi	20CBC3	9.17	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
115	VII	Báo chí	3170420211	Nguyễn Thị Diệu Hà	20CBC2	9.10	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
116	VII	Báo chí	3170421035	Nguyễn Thị Phương Linh	21CBC1	8.34	3.72	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
117	VII	Báo chí	3170421083	Nguyễn Thị Lệ Thủy	21CBC2	8.38	3.67	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
118	VII	Báo chí	3170421246	Đoàn Thu Trang	21CBC1	8.41	3.70	Xuất sắc	96.50	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
119	VII	Báo chí	3170422047	Nguyễn Trần Khánh Na	22CBC2	8.15	3.50	Giỏi	100.00	Xuất sắc	Giỏi	6,500,000
120	VII	Báo chí	3170422051	Bùi Vũ Tấn Nguyên	22CBC1	8.39	3.64	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
121	VII	Báo chí	3170423004	Nguyễn Thùy Phương Anh	23CBC1	8.59	3.91	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
122	VII	Báo chí	3170423053	Lê Trần Bảo Linh	23CBC1	8.76	3.91	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
123	VII	Báo chí	3170423107	Phạm Minh Thư	23CBC1	8.61	3.81	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
124	VII	Báo chí (CLC)	3170622008	Lê Việt Khang	22CBCC	8.29	3.58	Giỏi	94.00	Xuất sắc	Giỏi	6,500,000
125	I	Sư phạm Lịch sử	3180120069	Lê Trần Quốc Tâm	20SLS	9.64	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
126	I	Sư phạm Lịch sử	3180121049	Trần Thu Thủy	21SLS	9.12	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
127	I	Sư phạm Lịch sử	3180122047	Lê Thị Thảo	22SLS	8.67	3.73	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
128	I	Sư phạm Lịch sử	3180123024	Phan Thị Tinh	23SLS	9.06	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000

STT	Khối ngành	Ngành	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Mức nhận học bổng	Số tiền
						Thang điểm 10	Thang điểm 4					
129	VII	Việt Nam học	3180220009	Đoàn Trương Minh Anh	20CVNH2	9.56	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
130	VII	Việt Nam học	3180220075	Nguyễn Thị Thanh Trúc	20CVNH2	9.40	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
131	VII	Việt Nam học	3180220364	Đỗ Thị Bích Vân	20CVNH2	9.44	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
132	VII	Văn hóa - Du lịch	3180221049	Võ Nguyễn Thảo My	21CVNH1	8.62	3.68	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
133	VII	Văn hóa - Du lịch	3180221072	Trần Quỳnh Thuý Như	21CVNH2	9.22	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
134	VII	Văn hóa - Du lịch	3180221169	Phạm Thị Ngọc Hòa	21CVNH2	9.18	3.79	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
135	VII	Văn hóa - Du lịch	3180222029	Nguyễn Hồng Hân	22CVNH2	8.45	3.78	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
136	VII	Văn hóa - Du lịch	3180222074	Nguyễn Thị Như Ngọc	22CVNH1	8.60	3.81	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
137	VII	Văn hóa - Du lịch	3180222092	Phạm Thị Yến Ny	22CVNH1	8.50	3.75	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
138	VII	Văn hóa - Du lịch	3180222106	Huỳnh Khánh Tâm	22CVNH1	8.88	3.89	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
139	VII	Việt Nam học	3180223001	Đoàn Thị Tú Anh	23CVNH2	8.46	3.71	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
140	VII	Việt Nam học	3180223098	Trần Thị Thanh Thảo	23CVNH1	8.46	3.65	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
141	VII	Việt Nam học	3180223151	Lê Thùy Mỹ Ý	23CVNH1	9.05	3.88	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
142	VII	Lịch sử	3180520020	Lê Thị Thanh Thuý	20CLS	9.33	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
143	VII	Lịch sử	3180521044	Nguyễn Vũ Anh Duy	21CLS	9.08	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
144	VII	Lịch sử	3180522031	Trần Ngô Trường Phúc	22CLS	8.47	3.53	Giỏi	95.00	Xuất sắc	Giỏi	6,500,000
145	VII	Lịch sử	3180523020	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	23CLS	8.80	3.93	Xuất sắc	83.00	Tốt	Giỏi	6,500,000
146	VII	Lịch sử	3180523045	Đỗ Như Phương	23CLS	8.96	3.93	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
147	I	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	3180720067	Lê Thị Thư	20SLD	9.23	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
148	I	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	3180721062	Nguyễn Trần Văn Hoàng	21SLD	8.65	3.85	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
149	I	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	3180721097	Trần Lê Đình Phương	21SLD	8.49	3.68	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
150	I	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	3180722052	Phạm Viết Văn Minh	22SLD2	8.28	3.67	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
151	I	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	3180722085	Nguyễn Thị Thắm	22SLD2	8.58	3.76	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
152	I	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	3180722100	Nguyễn Huỳnh Bích Trang	22SLD1	8.21	3.58	Giỏi	96.00	Xuất sắc	Giỏi	6,750,000
153	I	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	3180723062	Nguyễn Thị Thanh Nhân	23SLD1	8.89	3.83	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
154	I	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	3180723064	Phan Thị Hoài Nhi	23SLD1	8.99	3.94	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
155	I	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	3180723089	Nguyễn Thị Phương Thảo	23SLD2	8.87	3.83	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000

STT	Khối ngành	Ngành	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Mức nhận học bổng	Số tiền
						Thang điểm 10	Thang điểm 4					
156	I	Sư phạm Địa lý	3190120030	Nguyễn Thanh Hiếu	20SDL	9.01	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
157	I	Sư phạm Địa lý	3190121064	Đinh Thanh Thảo	21SDL	9.13	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
158	I	Sư phạm Địa lý	3190122051	Phan Huỳnh Khánh Thương	22SDL	8.38	3.62	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
159	I	Sư phạm Địa lý	3190123015	Trần Nguyễn Đức Hòa	23SDL	9.09	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
160	VII	Địa lý du lịch	3190420180	Võ Đình Tăng	20CDDL1	9.32	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
161	VII	Địa lý du lịch	3190421036	Hồ Thị Phương Giang	21CDDL	8.84	3.95	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
162	VII	Địa lý du lịch	3190422047	Phan Thị Kim Oanh	22CDDL	8.75	3.71	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
163	VII	Địa lý du lịch	3190422069	Lê Thị Thúy	22CDDL	8.73	3.79	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
164	VII	Địa lý du lịch	3190423017	Đinh Hữu Hận	23CDDL	8.64	3.82	Xuất sắc	81.00	Tốt	Giỏi	6,500,000
165	VII	Địa lý du lịch	3190423064	Trần Văn Thanh	23CDDL	8.81	3.85	Xuất sắc	84.00	Tốt	Giỏi	6,500,000
166	VII	Tâm lý học	3200221079	Nguyễn Hồ Đoan Quỳnh	21CTL2	8.62	3.85	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
167	VII	Tâm lý học	3200221130	Trần Lê Xuân Diệu	21CTL1	8.62	3.87	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
168	VII	Tâm lý học	3200222027	Nguyễn Thanh Hằng	22CTL	9.03	3.89	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
169	VII	Tâm lý học	3200223069	Nguyễn Thanh Bảo Ngọc	23CTL1	8.76	3.89	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
170	VII	Tâm lý học	3200223098	Nguyễn Đức Phúc	23CTL2	8.43	3.67	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
171	VII	Tâm lý học	3200223147	Ngô Thị Thu Xuân	23CTL1	8.91	3.78	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
172	VII	Công tác xã hội	3200320047	Đặng Ngọc Bảo Châu	20CTXH	9.17	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
173	VII	Công tác xã hội	3200321056	Đặng Hồng Ân	21CTXH	8.81	3.92	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
174	VII	Công tác xã hội	3200322019	Nguyễn Ngọc Huy	22CTXH	9.10	3.90	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
175	VII	Công tác xã hội	3200323050	Ngô Thị Hồng Nhung	23CTXH	9.24	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
176	VII	Công tác xã hội	3200323081	Võ Ngọc Hiền Trang	23CTXH	8.98	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
177	VII	Tâm lý học (CLC)	3200420018	Huỳnh Hồng Hạnh	20CTLC	8.75	3.76	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
178	VII	Tâm lý học (CLC)	3200420029	Nguyễn Ngọc Hồng Phương	20CTLC	9.16	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
179	VII	Tâm lý học (CLC)	3200422008	Nguyễn Thị Kim Huệ	22CTLC	8.93	3.78	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000
180	I	Giáo dục Tiểu học	3220120017	Bùi Thị Thu Dung	20STH4	9.25	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
181	I	Giáo dục Tiểu học	3220120085	Nguyễn Thị Hà Phương	20STH4	9.36	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
182	I	Giáo dục Tiểu học	3220120104	Lê Thị Thảo	20STH3	8.82	3.87	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000

STT	Khối ngành	Ngành	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Mức nhận học bổng	Số tiền
						Thang điểm 10	Thang điểm 4					
183	I	Giáo dục Tiểu học	3220120260	Dương Thị Ngân	20STH2	9.39	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
184	I	Giáo dục Tiểu học	3220120388	Nguyễn Thùy Vin Vin	20STH3	9.21	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
185	I	Giáo dục Tiểu học	3220121038	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	21STH10	9.42	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
186	I	Giáo dục Tiểu học	3220121049	Hứa Vũ Hà	21STH9	9.27	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
187	I	Giáo dục Tiểu học	3220121159	Lê Thị Thu Phương	21STH5	9.27	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
188	I	Giáo dục Tiểu học	3220121195	Trần Nguyễn Anh Thư	21STH1	9.28	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
189	I	Giáo dục Tiểu học	3220121202	Huỳnh Thị Thanh Thủy	21STH2	9.37	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
190	I	Giáo dục Tiểu học	3220121204	Trần Thị Thanh Thủy	21STH2	9.34	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
191	I	Giáo dục Tiểu học	3220121251	Huỳnh Ngọc An	21STH10	9.30	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
192	I	Giáo dục Tiểu học	3220121294	Nguyễn Băng Châu	21STH10	9.26	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
193	I	Giáo dục Tiểu học	3220121374	Phạm Nam Hòa Hải	21STH2	9.31	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
194	I	Giáo dục Tiểu học	3220121454	Lê Ngô Tú Khuyên	21STH6	9.26	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
195	I	Giáo dục Tiểu học	3220121504	Phan Thị Khánh Ly	21STH1	9.26	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
196	I	Giáo dục Tiểu học	3220121518	Lê Hoài Thảo My	21STH7	9.27	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
197	I	Giáo dục Tiểu học	3220121539	Lê Thị Minh Ngân	21STH8	9.25	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
198	I	Giáo dục Tiểu học	3220121618	Nguyễn Hoàng Ny	21STH8	9.42	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
199	I	Giáo dục Tiểu học	3220121648	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	21STH9	9.34	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
200	I	Giáo dục Tiểu học	3220121765	Phạm Thị Bích Trâm	21STH8	9.28	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
201	I	Giáo dục Tiểu học	3220122088	Đặng Lê Công Hiếu	22STH3	9.01	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
202	I	Giáo dục Tiểu học	3220122090	Đặng Thị Thu Hoài	22STH5	9.01	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
203	I	Giáo dục Tiểu học	3220122111	Nguyễn Thị Khánh Huyền	22STH4	9.24	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
204	I	Giáo dục Tiểu học	3220122112	Nguyễn Thị Thu Huyền	22STH1	8.98	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
205	I	Giáo dục Tiểu học	3220122122	Phan Vũ Thiên Kim	22STH3	9.09	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
206	I	Giáo dục Tiểu học	3220122233	Trần Thu Sương	22STH3	9.33	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
207	I	Giáo dục Tiểu học	3220122244	Đặng Nguyễn Bích Thảo	22STH3	9.37	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
208	I	Giáo dục Tiểu học	3220122327	Trịnh Thị Hoàng Vy	22STH4	9.38	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
209	I	Giáo dục Tiểu học	3220123007	Dương Thị Trâm Anh	23STH7	8.98	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000

STT	Khối ngành	Ngành	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Mức nhận học bổng	Số tiền
						Thang điểm 10	Thang điểm 4					
210	I	Giáo dục Tiểu học	3220123020	Phùng Thị Ngọc Anh	23STH7	8.88	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
211	I	Giáo dục Tiểu học	3220123039	Trần Thị Minh Châu	23STH2	9.09	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
212	I	Giáo dục Tiểu học	3220123156	Rơ Lan Huyền	23STH6	8.88	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
213	I	Giáo dục Tiểu học	3220123179	Nguyễn Khánh Linh	23STH5	9.25	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
214	I	Giáo dục Tiểu học	3220123185	Nguyễn Trúc Linh	23STH1	8.96	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
215	I	Giáo dục Tiểu học	3220123206	Bùi Thị Tuyết Mai	23STH5	9.24	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
216	I	Giáo dục Tiểu học	3220123380	Hoàng Thị Hà Trang	23STH2	9.09	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
217	I	Giáo dục Tiểu học	3220123395	Võ Thị Ngọc Trinh	23STH6	9.02	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
218	I	Giáo dục Tiểu học	3220123396	Lê Thị Tố Trinh	23STH5	8.89	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
219	I	Giáo dục Tiểu học	3220123397	Huỳnh Thị Thanh Trúc	23STH6	9.16	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
220	I	SP Tin học và CN Tiểu học	3220220011	Lương Thị Ngọc Ánh	20STC	9.19	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
221	I	SP Tin học và CN Tiểu học	3220221034	Lê Nguyễn Ưt Thương	21STC	9.14	3.81	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
222	I	SP Tin học và CN Tiểu học	3220222035	Đặng Thị Thanh Nga	22STC	8.90	3.82	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
223	I	SP Tin học và CN Tiểu học	3220222045	Nguyễn Hữu Ái Quốc	22STC	8.63	3.75	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
224	I	SP Tin học và CN Tiểu học	3220223022	Đặng Phạm Ngọc Lan	23STC	8.81	3.77	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
225	I	SP Tin học và CN Tiểu học	3220223058	Trần Thị Thơm	23STC	8.25	3.73	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
226	I	Giáo dục Mầm non	3230120007	Nguyễn Thị Thảo Tuyết	20SMN2	9.27	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
227	I	Giáo dục Mầm non	3230120012	Nguyễn Thị Hạ My	20SMN3	9.28	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
228	I	Giáo dục Mầm non	3230120144	Nguyễn Thị Kiều My	20SMN3	9.38	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
229	I	Giáo dục Mầm non	3230120301	Đặng Thị Lan Trinh	20SMN3	9.42	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
230	I	Giáo dục Mầm non	3230121016	Nguyễn Trà My	21SMN2	8.65	3.79	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
231	I	Giáo dục Mầm non	3230121049	Vĩ Đình Phương Chi	21SMN1	8.67	3.86	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
232	I	Giáo dục Mầm non	3230121063	Nguyễn Hoàng Hà	21SMN4	8.67	3.79	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
233	I	Giáo dục Mầm non	3230121101	Đinh Nguyễn Thùy Linh	21SMN2	8.74	3.89	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
234	I	Giáo dục Mầm non	3230121219	Phạm Thị Thu Thủy	21SMN1	8.64	3.79	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
235	I	Giáo dục Mầm non	3230121227	Đoàn Thị Cẩm Tiên	21SMN1	8.68	3.86	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
236	I	Giáo dục Mầm non	3230122067	Atăng Thị Mai	22SMN1	8.23	3.64	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000



STT	Khối ngành	Ngành	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Mức nhận học bổng	Số tiền
						Thang điểm 10	Thang điểm 4					
237	I	Giáo dục Mầm non	3230122068	Lê Thị Mai	22SMN2	8.87	3.86	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
238	I	Giáo dục Mầm non	3230122122	Hoàng Thị Hoài Thương	22SMN1	8.33	3.62	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
239	I	Giáo dục Mầm non	3230122144	Hồ Thị Thanh Tú	22SMN3	8.66	3.82	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
240	I	Giáo dục Mầm non	3230123054	Võ Thị Lam Hồng	23SMN2	8.33	3.61	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
241	I	Giáo dục Mầm non	3230123087	Hồ Thị Khánh Ly	23SMN3	8.48	3.58	Giỏi	86.00	Tốt	Giỏi	6,750,000
242	I	Giáo dục Mầm non	3230123130	Đặng Thị Nhã Phương	23SMN2	8.42	3.72	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
243	I	Giáo dục Mầm non	3230123164	Đào Đoan Thực	23SMN2	8.31	3.61	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
244	I	Giáo dục Mầm non	3230123211	Lê Thị Kim Yến	23SMN3	8.72	3.69	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
245	I	Sư phạm Âm nhạc	3240423023	Phạm Hoàng Mai Khuyển	23SAN	9.11	3.78	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
246	I	Sư phạm Âm nhạc	3240423052	Lê Thị Thanh Thu	23SAN	9.08	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000
247	I	Giáo dục Thể chất	3240623028	Lê Trung Bảo Khang	23SGT	8.76	3.82	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000

Danh sách gồm 247 sinh viên. *12*